

Hòa Bình, tháng 4 năm 2019

**BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**  
Tổ 11, phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Đơn vị niêm yết: Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Năm báo cáo: Năm 2018

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình
- Tên tiếng Anh: Hoa Binhprovince Hưng Long Trading investment joint stock company.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5400 213 153 đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 01/11/2016.
- Vốn điều lệ: 19.800.000.000, đồng (Mười chín tỷ, tám trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Phường Tân Hòa – Thành phố Hòa Bình – Tỉnh Hòa Bình
- Điện thoại: 0916 023 638
- Website: <http://www.ximangsongda.vn>
- Email: [phongkettoanximangsongda@gmail.com](mailto:phongkettoanximangsongda@gmail.com)
- Mã cổ phiếu: SCC

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

Nhà máy xi măng Sông Đà chính thức được khởi công xây dựng từ tháng 02 năm 1993 với tổng diện tích đất đai là 35.333 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích nhà xưởng là 32.600 m<sup>2</sup>, diện tích sân bãi là 2.733 m<sup>2</sup>. Trước đây nhà máy là đơn vị thành viên của Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng công ty Sông Đà, kể từ 01 tháng 11 năm 2002 nhà máy chính thức trở thành Công ty cổ phần xi măng Sông Đà hoạt động theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 1461 QĐ/BXD ngày 01/11/2002 với số vốn Điều lệ khi thành lập là 17 tỷ đồng (trong đó Tổng công ty Sông Đà giữ cổ phần chi phối chiếm tỷ lệ 52,7%). Công ty tiếp tục hoạt động trên cơ sở máy móc, dây chuyền thiết bị công nghệ và nguồn nhân lực hiện có. Đến ngày 01/11/2016 Công ty đã đổi tên thành Công ty CP Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng và độc lập về tài sản, có Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.

+ Niêm yết: ngày 20 tháng 12 năm 2006 có phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội

+ Huy niêm yết : ngày 23 tháng 5 năm 2013 có phiếu của Công ty huy niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định 176/QĐ-SGDHN.

+ Niêm yết: ngày 06 tháng 08 năm 2014 có phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom

+ Các sự kiện khác:

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ xi măng; kinh doanh vận chuyển, cho thuê bến bãi, sản xuất gạch bê tông...
- Địa bàn kinh doanh chính: Khu vực thành phố Hòa Bình – tỉnh Hòa Bình

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

### 4.1- Sơ đồ cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của công ty:

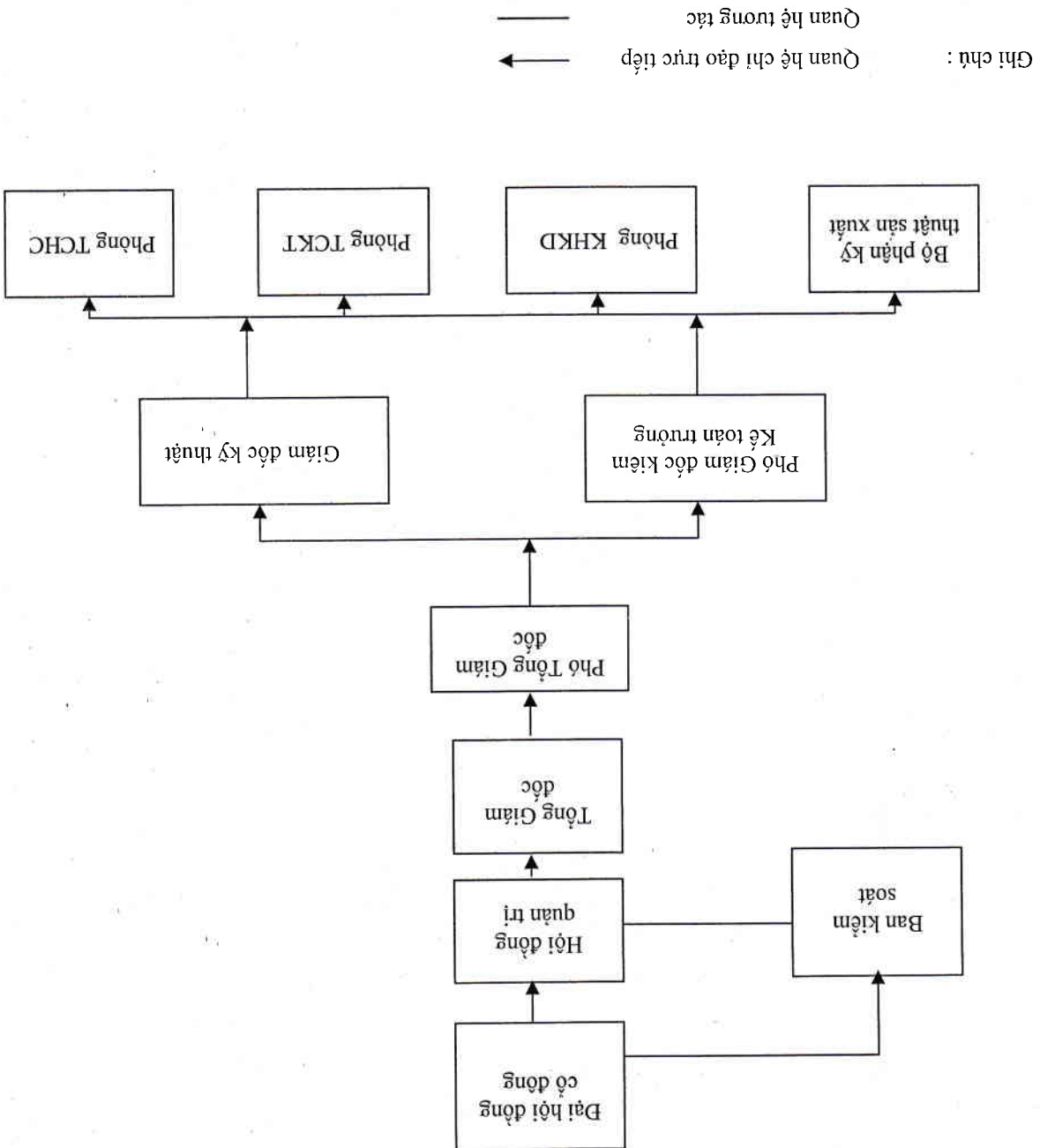
**Chức năng, nhiệm vụ của các Phòng trong công ty:**

**Phòng Tổ chức hành chính:**

- Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, ....
- Quản lý hồ sơ sử dụng đất, đăng ký kinh doanh, số BHXH, con dấu, văn thư,...
- Đề xuất mua sắm, cấp phát, quản lý trang thiết bị văn phòng,...
- Tổ chức tiếp khách, xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo,...

**Bộ phận Kỹ thuật sản xuất**

- Đề xuất giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất.
- Thiết kế, giám sát, nghiệm thu các hạng mục xây dựng cơ bản của công ty; kiểm tra, giám sát kỹ thuật, chất lượng nguyên vật liệu, sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang bị bảo hộ lao động, đơn độc kiểm tra việc thực hiện các phương án an toàn lao động trong công ty.
- Xây dựng, quản lý quy trình kỹ thuật, quy trình vận hành, bảo quản sửa chữa máy móc thiết bị



- Quản lý hồ sơ sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hồ sơ kỹ thuật về thiết bị máy móc.
- Quản lý xe, máy, thiết bị xây dựng, tài sản cố định,...
- Lập kế hoạch dự trữ vật tư, phụ tùng thay thế hàng tháng,...

#### Phòng Kế hoạch kinh doanh

- Tham mưu giám đốc kỹ Hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán vật tư, nguyên liệu và sản phẩm của công ty.
- Lập kế hoạch và thanh toán tiền lương, thưởng,...
- Xây dựng, điều hoà kế hoạch sản xuất kinh doanh; Lập và trình duyệt các kế hoạch định hướng của công ty.
- Theo dõi, lập báo cáo tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất; theo dõi việc kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của công ty
- Lập kế hoạch đầu tư, tài đầu tư; theo dõi, tổ chức thực hiện đúng trình tự về công tác đầu tư,...
- Dự trữ, cấp phát các loại nguyên, nhiên vật liệu, vật tư bảo hộ lao động; quản lý, điều hành thủ kho và kho thành phẩm, tổ bốc xếp, tổ vận tải tự thuộc phòng
- quản lý đáp ứng cho yêu cầu tiêu thụ sản phẩm.
- Quản lý, điều hành các đại lý tiêu thụ xi măng
- Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm

#### Phòng Tài chính - kế toán

- Ghi chép, tính toán, phân ảnh tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn, quá trình và kết quả hoạt động SXKD và sử dụng kinh phí của công ty.
- Cung cấp số liệu, tài liệu cho việc điều hành SXKD, lập báo cáo kế toán, thống kê, quyết toán của công ty.
- Lập phương án nguồn vốn và sử dụng vốn hàng năm, kế hoạch, tin dùng, lợi nhuận,...
- Tính toán, trích nộp các khoản nộp ngân sách nhà nước, các loại quỹ, phân phối lợi nhuận,...
- Quản lý tiền mặt, chi lương, chi thưởng,...

#### 4.2- Các công ty liên kết: không có.

#### 5. Định hướng phát triển đến năm 2019:

##### 5.1- Định hướng phát triển

Cải tạo, sửa chữa mặt bằng Công ty để cho thuê dịch cảng; kinh doanh thương mại.

##### 5.2- Nhiệm vụ chủ yếu:

- Năm 2019 duy trì chuẩn bị mặt bằng phục vụ cho dịch vụ cảng, kinh doanh thương mại.

### 5.3 – Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

Duy trì SXKD, đảm bảo đủ công ăn việc làm cho người lao động.

### 6. Các rủi ro có thể xảy ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá cả hàng hóa.

#### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trong yêu cầu với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan và các khách hàng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Tổng doanh thu của Công ty là: 726,49 triệu đồng.  
Năm 2018 số dư nợ cũ cao và khó thu nợ. Tổng số lỗ năm 2018 là : 6,789 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2018:

- Tổng tài sản của Công ty là: 30.615.502.053 đồng trong đó Tài sản ngắn hạn: 12.074.862.823 đồng và tài sản dài hạn là 18.540.639.230 đồng
- Tổng nguồn vốn của Công ty là: 30.615.502.053 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là: 3.431.717.317 đồng, nợ phải trả 27.183.784.736 đồng

\*Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2019 và các năm tiếp theo Công ty tiếp tục duy trì cho thuê dịch cảng; kinh doanh thương mại. Đảm bảo mang lại thu nhập cho CBCNV Công ty và đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1- Danh sách ban điều hành:

##### 2.1.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Hưng

Ngày sinh:

02/02/1972

Nơi sinh:

Lái Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch:

Việt Nam

Địa chỉ thường trú: phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quá trình công tác:

- Năm 2005 – 2010 : Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần xi măng Điện Biên.

- Năm 2010 – 2011: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Long.

- Năm 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng

Long tỉnh Điện Biên.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM

Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

##### 2.1.2- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Mạnh Hà

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1975

Nơi sinh:

Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Quê quán:

Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú:

Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

- Từ 1995-1998: cán bộ kỹ thuật sửa chữa điện tại Công ty xi măng Trung Hải.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2018, Tổng doanh thu của Công ty là: 726,49 triệu đồng.  
Năm 2018 số dư nợ cũ cao và khó thu nợ. Tổng số lỗ năm 2018 là : 6,789 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2018:

- Tổng tài sản của Công ty là: 30.615.502.053 đồng trong đó Tài sản ngắn hạn: 12.074.862.823 đồng và tài sản dài hạn là 18.540.639.230 đồng
- Tổng nguồn vốn của Công ty là: 30.615.502.053 đồng trong đó vốn chủ sở hữu là: 3.431.717.317 đồng, nợ phải trả 27.183.784.736 đồng

\*Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Năm 2019 và các năm tiếp theo Công ty tiếp tục duy trì cho thuê dịch cảng; kinh doanh thương mại. Đảm bảo mang lại thu nhập cho CBCNV Công ty và đảm bảo cổ tức cho cổ đông.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1- Danh sách ban điều hành:

##### 2.1.1- Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Văn Hưng

Ngày sinh: 02/02/1972

Nơi sinh: Lai Xuân, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: phường Nam Thanh, TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Quả trình công tác:

- Năm 2005 – 2010 : Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần xi măng Điện Biên.

- Năm 2010 – 2011: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thành Long.

- Năm 2012 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM Hưng

Long tỉnh Điện Biên.

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty cổ phần ĐTTM

Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

##### 2.1.2- Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Mạnh Hà

Ngày tháng năm sinh: 01/07/1975

Nơi sinh: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Duy Tân, Kinh Môn, Hải Dương.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.

Quả trình công tác:

- Từ 1995-1998: cán bộ kỹ thuật sửa chữa điện tại Công ty xi măng Trung Hải.

- 1999-2002: tự kinh doanh thầu xây lắp về điện.

- 2003-2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Tân Phú Xuân.

- 2006-tháng 11/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng Điện Biên.

- Tháng 12/2015-05/01/2016: Phó Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà.

- 06/01/2016- 31/10/2016: Giám đốc Công ty CP Xi măng Sông Đà

-01/11/2016-31/01/2017: Giám đốc Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Hòa

Bình.

- 01/02/2017: miễn nhiệm Giám đốc Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Hòa

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP DTTM

Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 91.850cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**2.1.3 Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Thế Vinh**

Ngày tháng năm sinh: 14/06/1983

Nơi sinh: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Dũng Tiến, Vĩnh Bảo, Hải Phòng

Quá trình công tác:

- 11/2005 - 04/2006: : Công nhân cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn

- 05/2006 - 12/2008: Công nhân cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.

- 01/2009 - 04/2009: Kỹ sư cơ khí Công ty xi măng Phúc Sơn.

- 05/2009 - 11/2009:Kỹ sư cơ khí Công ty Cổ phần xi măng Tân Phú Xuân.

- 05/2010 - 12/2011: Công nhân Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp

nhất.

-2012: Phó Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hợp nhất

- 2013-2015: kinh doanh tự do

-01-08/2016: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Điện

Biên

- 09-10/2016: Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Hòa

Bình

- 11/2016- nay: Giám đốc Kỹ thuật Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh Hòa

Bình

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



**2.1.4 Trưởng Ban kiểm soát - Ông Ngô Văn Định**

Ngày tháng năm sinh: 14/10/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quỳnh Sơn, Quỳnh Phú, Thái Bình.

Địa chỉ thường trú: Tuấn Giáo, Tuấn Giáo, Điện Biên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Qua trình công tác:

- Từ 2010-08/2016: công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán A&C.

- Từ 09/2016- nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP DTTM Hưng Long tỉnh

Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**2.1.5- Thành viên Ban kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Oanh**

Ngày tháng năm sinh: 15/05/1972

Nơi sinh: Đông Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đông Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: tổ 04, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Qua trình công tác:

- Từ 10/2000-2012: nhân viên phòng Kỹ Thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- 01-11/2013: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà.

- Từ 12/2013- 11/2015: Trưởng Phòng Kỹ thuật- Công ty Cổ phần xi măng Sông

Đà.

- Từ 12/2015- nay: Phó trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất- Công ty CP DTTM

Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát CP DTTM Hưng Long

tỉnh Hòa Bình.

Số cổ phần do cá nhân nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

**2.1.5 Giám đốc Kỹ thuật Công ty - Ông Nguyễn Thế Vinh ( Xem phần trên)**

**2.1.6 Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Nguyễn Văn Thành**

Ngày tháng năm sinh: 11/03/1991

Nơi sinh: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

| Chỉ tiêu                                                 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|----------------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                |          |          |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ ngắn hạn)           | 1,18     | 0,59     |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 0,99     | 0,47     |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                         |          |          |
| - Hệ số Nợ/ Tổng TS (%)                                  | 73,29%   | 88,8%    |
| - Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%)                                  | 274,48%  | 792%     |

4.2- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chỉ tiêu             | Năm 2017       | Năm 2018        | % tăng, giảm |
|----------------------|----------------|-----------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản | 38.278.215.782 | 30.615.502.053  | (20,02%)     |
| Doanh thu thuần      | 20.486.377.764 | 577.981.652     | (97%)        |
| Lợi nhuận từ HĐ SXKD | 2.773.460.082  | (6.604.543.193) | (238%)       |
| Lợi nhuận từ HĐ khác | 890.796.338    | (185.330.442)   | (20,8%)      |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.664.256.420  | (6.789.873.635) | (185,3%)     |
| Lợi nhuận sau thuế   | 3.664.256.420  | (6.789.873.635) | (185,3%)     |

4.1- Tình hình tài chính:

4. Tình hình tài chính:

3. Tình hình thực hiện các dự án: không có

- Thực hiện đóng BHXH, BHYT cho CBCNV của Công ty

2.3- Chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến 31/12/2018: 0 người

2.2- Những thay đổi trong Ban điều hành:

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần

Số cổ phần do cả nhà nắm giữ: 0 cổ phần

ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Chức vụ công tác hiện nay Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP

Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

- Từ tháng 02/2017-nay: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CP ĐTTM

tỉnh Hòa Bình.

- Từ tháng 10/2016-30/01/2017: Kế toán tổng hợp Công ty CP ĐTTM Hưng Long

toàn và tư vấn A&C tại Hà Nội.

- Từ tháng 10/2013-09/2016: Trợ lý Kiểm toán viên tại CN Công ty TNHH Kiểm

Qua trình công tác:

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Địa chỉ thường trú: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

Quê quán: Hà Toại, Hà Trung, Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

|                                 |          |          |
|---------------------------------|----------|----------|
| Chi tiêu về khả năng thanh toán | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---------------------------------|----------|----------|

b. Tình hình nợ phải trả:

hiệu quả sử dụng vốn bị giảm.

xuống còn 0,2 vòng năm 2018, điều đó chứng tỏ hàng tồn kho bị tồn đọng nhiều, Bên cạnh đó vòng quay hàng tồn kho cũng bị giảm xuống: từ 1,76 vòng năm 2017 thu, trong khi đó năm 2018 cứ mỗi đồng tài sản tạo ra được 0,02 đồng doanh thu. Trong năm 2017, cứ mỗi đồng tài sản thì tạo ra cho Công ty 0,54 đồng doanh

|                                |      |      |
|--------------------------------|------|------|
| - Doanh thu thuần/Tổng Tài sản | 0,54 | 0,02 |
|--------------------------------|------|------|

Chúng ta nhận thấy rằng hiệu quả sử dụng tài sản năm 2018 đã giảm so với năm lập dự phòng đầy đủ theo quy định, tuy nhiên qua chỉ tiêu:

Trong năm 2018, Công ty không phát sinh thêm các khoản nợ xấu, nợ khó đòi phát sinh thêm 2.251.549.582 đồng. Các khoản nợ khó đòi từ các năm trước đã được trích

a. Tình hình tài chính: Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

## 2. Tình hình tài chính:

cầu kỳ thuật.

doanh. Dãy chuyên gách không nung đã tạm dừng sản xuất do không đáp ứng yêu Năm 2018 là một năm Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh

## b. Đánh giá tổng quát:

a. Kết quả HB SXKD: (Đã trình bày tại biểu KQ HB SXKD Mục I-Phần II)

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

## III. BẢO CẢO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

e. Các chứng khoản khác:

Không.

- Giao dịch:

Không.

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại:

92.400 cổ phần.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

đồng cả nhân, cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài.

b. Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông được phân chia theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

- Số lượng cổ phần chuyên nhượng từ do: 1.980.000 cp

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.887.600 cp.

a. Cổ phần:

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

|                                                         |       |        |
|---------------------------------------------------------|-------|--------|
| 3. Chi tiêu năng lực hoạt động                          |       |        |
| - Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK b.quản)  | 1,76  | 0,2    |
| - Doanh thu thuần/Tổng Tài sản                          | 0,54  | 0,02   |
| 4. Chi tiêu về khả năng sinh lời                        |       |        |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần              | 0,18  | (11,7) |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH                      | 0,36  | (1,98) |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản                 | 0,095 | (0,22) |
| - Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động KD/Doanh thu thuần | 0,26  | (11,4) |

|                                                           |      |      |
|-----------------------------------------------------------|------|------|
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)            | 1,18 | 0,59 |
| - Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | 0,99 | 0,47 |

- Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty cho thấy khả năng thanh toán nhanh, ngắn hạn năm 2018 đã suy giảm so với năm 2017.
- Qua các chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản, chúng ta có thể nhận thấy trong tổng số tài sản mà Công ty đang nắm giữ đến 31/12/2018 là 88,8% (năm 2017 là 73,29%) số tài sản được hình thành từ các khoản nợ ngắn và dài hạn, tỷ lệ nợ năm 2018 của Công ty đã tăng so với năm 2017.

| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn  | 2017    | 2018  |
|-------------------------|---------|-------|
| - Hệ số Nợ/ Tổng TS (%) | 73,29%  | 88,8% |
| - Hệ số Nợ/ Vốn CSH (%) | 274,48% | 792%  |

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Tập trung nghiên cứu, mở rộng thị trường sang lĩnh vực cho thuê dịch vụ cảng, kinh doanh thương mại.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai: (Đã trình bày tại mục 5- Phần I)

### 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán:

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- ✓ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ✓ Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ✓ Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- ✓ Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

### 1. Đánh giá về các mặt hoạt động SXKD trong năm 2018:

- Tổng giá trị SXKD: TH 799 triệu đồng  
 - Doanh thu : TH 726 triệu đồng  
 - Nộp NS nhà nước: TH 124 triệu đồng  
 - Lợi nhuận : TH (6.789) triệu đồng  
 - TN bình quân: TH 0 triệu đồng  
 - Đầu tư: không có.

2. **Ban giá và hoạt động của Ban giám đốc Công ty:**  
 Trong quá trình thực hiện chỉ đạo việc sản xuất kinh doanh, Ban Tổng giám đốc đã cố gắng tìm mọi biện pháp để mở rộng thị trường kinh doanh thương mại, cho thuê dịch vụ cảng.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

**3.1- Mục tiêu, định hướng:**

Mở rộng thị trường kinh doanh thương mại, cho thuê dịch vụ cảng.

**3.2- Giải pháp thực hiện:**

**a- Giải pháp về tổ chức sản xuất, quản lý và Điều hành:**

➤ Quản lý và điều hành:

- Tăng cường công tác Quản trị doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí ở tất cả các khâu sản xuất để đảm bảo tăng thu nhập và thu hút lực lượng lao động có chuyên môn giỏi, tay nghề cao.

**b- Giải pháp về phát triển nguồn lực con người :**

Xây dựng quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn đặc biệt là lực lượng cán bộ trẻ, áp dụng nhiều hình thức đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo tại chỗ, kết hợp việc bồi dưỡng, đề bạt với việc đào tạo, bồi dưỡng căn bản. Đào tạo bồi dưỡng trình độ, năng lực quản lý, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với bồi dưỡng với bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, đạo đức, tác phong làm việc. Bổ sung, sửa đổi tiêu chuẩn chức danh bộ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo hướng tiến tiến, chuyên nghiệp, kết hợp với việc thực hiện đại ngộ theo nguyên tắc gần kết giữa quyền lợi và trách nhiệm của mỗi tập thể, cá nhân.

**c- Giải pháp về phát triển thị trường:**

Phải đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng cách:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng ở các khâu bóc xếp, vận chuyển, thanh toán, khuyến mãi.

**d- Giải pháp phát triển nguồn lực tài chính:**

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ, Không để nợ dầy dụa và nợ khó đòi.
- Xây dựng chiến lược huy động vốn để đảm bảo vốn cho đầu tư và phục vụ sản xuất kinh doanh. Vì vậy Công ty mở rộng và quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng.

**V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

**1. Hội đồng quản trị:**

- a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)
- b. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:
- Các cuộc họp của thành viên Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp định kỳ 04 phiên, các thành viên tham dự đầy đủ đạt 100% dự họp các phiên.

➤ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội cổ đông giao, Hội đồng quản trị đã xem xét những kết quả đạt và chưa đạt, từ đó có những giải pháp điều chỉnh phù hợp nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty. Thành viên HĐQT chuyên trách tham gia các cuộc giao ban của Ban Tổng Giám đốc định kỳ hàng tháng; việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong Công ty qua việc theo dõi, kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và các báo cáo khác nhằm đảm bảo tất cả hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật, đúng tinh thần của Nghị quyết Đại hội cổ đông.

➤ Về Công tác quản lý Công ty:

Để quản lý Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Căn cứ các tờ trình của Giám đốc, Hội đồng quản trị đã kịp thời xem xét giải quyết, xây dựng các nghị quyết về các vấn đề quản lý sản xuất, đầu tư theo thẩm quyền quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Trên cơ sở Nghị quyết của HĐQT, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định về quản lý điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị đã thực hiện và duy trì chế độ họp định kỳ và đột xuất để kịp thời giải quyết, chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động SXKD theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

➤ Công tác tổ chức và thực hiện Điều lệ:

- Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã họp 4 phiên có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.
- Các phiên họp của HĐQT đều có các biên bản cuộc họp của HĐQT, các uỷ viên HĐQT tham dự họp ký và được lưu giữ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị Công ty luôn luôn xây dựng tinh thần đoàn kết nhất trí, đảm bảo dân chủ, ngoài việc thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được ban hành, nhưng khi có vấn đề lớn thì đều đưa ra bàn bạc dân chủ và quyết định tập thể.

## **2. Ban kiểm soát:**

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2.1 - 2 - Phần 2)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình & Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội CN Việt Nam. Ban kiểm soát căn cứ vào:

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Hòa Bình.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát công ty trên các mặt sau:

Kiểm tra tình hình SXKD 2018.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.

Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi đối với người Lao động.

Kiểm tra báo cáo tài chính năm 2018.

Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

➤ **Kết quả kiểm soát về quản lý, điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc:**

- Năm 2018 Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp HĐQT Công ty, kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của công ty năm 2018. Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động SXKD năm 2018 và các hoạt động khác liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Đơn vị, Ban kiểm soát nhận xét:
- Hội đồng quản trị Công ty trong đó: Chủ tịch HĐQT, một thành viên HĐQT Công ty làm việc kiêm nhiệm, một thành viên làm việc chuyên trách. HĐQT công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu ổn định & phát triển công ty.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật hiện hành. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội cổ đông, của HĐQT công ty.
- Năm 2018 mặc dù Ban Tổng giám đốc Công ty đã cố gắng khắc phục nhiều khó khăn để thực hiện kế hoạch SXKD trong điều kiện kinh tế xã hội có nhiều biến động phức tạp, nhằm duy trì kinh doanh ổn định nhưng chưa mang lại hiệu quả cao, doanh thu bị sụt giảm dẫn đến lỗ.

➤ **Kết quả kiểm soát về thực hiện công tác Kế toán, tài chính:**

**Thực hiện công tác kế toán:**

- Đơn vị áp dụng chế độ kế toán Việt nam ban hành theo quyết định số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.
- Việc lập, luân chuyển, sử dụng và lưu trữ chứng từ kế toán đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ và đúng biểu mẫu theo quy định của chế độ kế toán hiện hành. Lập báo cáo đúng tiến độ quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã mời Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán báo cáo tài chính

**Tình hình tài chính năm 2018.**

**a/ Về kết quả kinh doanh:**

|                                       |                      |
|---------------------------------------|----------------------|
| - Doanh thu:                          | 726.490.082 đồng,    |
| Trong đó: D.thu hoạt động bán vật tư: | 577.981.652 đồng,    |
| D.thu HĐ tài chính & DT khác          | 148.508.430 đồng,    |
| - Lợi nhuận (lỗ):                     | -6.789.873.635 đồng. |
| Trong đó: Lỗ từ HĐ bán vật tư:        | -5.514.856.244 đồng, |
| Lỗ từ HĐTC & TNK:                     | -1.275.017.391 đồng, |

**b/ Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước:**

- Các khoản phải nộp NSNN: 248.731.000 đồng,
- Các khoản đã nộp NSNN: 124.365.500 đồng.

**c/ Tiền lương và thu nhập của CB CNV**

- Tổng quỹ lương thực trả: 0 đồng,
- Tiền lương bình quân: 0 đồng/người/tháng
- Thu nhập bình quân (cả tiền trích nộp BHXH): 0 đồng/người/tháng

**d/ Về tài sản và nguồn vốn của Công ty:**

- Tổng tài sản có đến 31/12/2018: 30.615.502.053 đồng
  - Trong đó: Tài sản ngắn hạn: 12.074.862.823 đồng
  - Tài sản dài hạn: 18.540.639.230 đồng
- Tổng nguồn vốn có đến 31/12/2018: 30.615.502.053 đồng
  - Trong đó: Vốn chủ sở hữu: 3.431.717.317 đồng
  - Nợ phải trả: 27.183.784.736 đồng

**e/ Về tài sản cố định và khấu hao TSCĐ đến thời điểm 31/12/2018**

- Nguyên giá TSCĐ : 14.675.288.611 đồng.
- Giá trị hao mòn lũy kế: -12.731.742.638 đồng.
- Giá trị còn lại: 1.943.545.973 đồng.

\* **Nhận xét chung:** Qua xem xét kiểm tra một số báo cáo của Công ty, Ban kiểm soát có một số nhận xét như sau:

- Công tác quản lý điều hành hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 thực hiện theo đúng Điều lệ hoạt động của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:**

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: 0,đồng/năm.

Trong đó:

- Lương chi trả cho Chủ tịch HĐQT: Ông: Nguyễn Văn Hưng- Chủ tịch HĐQT: 0,đồng/năm
- Lương chi trả cho Ban Tổng Giám đốc điều hành: Ông Nguyễn Thế Vinh- Giám đốc Kỹ thuật: 0 đồng/năm.  
Ông: Nguyễn Văn Thành- Phó Giám đốc : 0,đồng/năm
- Thù lao chi trả cho BKS: Không có
- Thù lao chi trả cho thành viên HĐQT: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

- Đối với Hội đồng quản trị: (Đã trình bày tại Mục 1 – Phần V)
- Đối với Ban kiểm soát: (Đã trình bày tại Mục 2 – Phần V)

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Được trình bày tại “Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018” kèm theo Báo cáo này.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15/03/2019, từ trang 06 đến trang 27 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Công ty chưa tiến hành đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác tại ngày 31/12/2018. Các thủ tục thay thế không thực hiện được, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, phải trả khác chưa được đối chiếu xác nhận cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tính đến thời điểm 31/12/2018, lũy kế của Công ty là 33.367.260.435 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.185.894.304 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên giả định hoạt động liên tục do Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng hoạt động của Công ty trong tương lai sẽ có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và tiếp tục nhận được cung cấp tài chính từ các tổ chức tín dụng cũng như các cổ đông và nhà đầu tư.

( Đã ký )

---

**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:  
0798-2018-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

( Đã ký )

---

**Nguyễn Văn Hải**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy Chứng nhận ĐKHNKT số:  
1395-2018-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2018

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2018            | 01/01/2018            |
|----------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                              |            |             | VND                   | VND                   |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                      | <b>100</b> |             | <b>12.074.862.823</b> | <b>19.995.583.520</b> |
| <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>    | <b>110</b> | <b>5</b>    | <b>111.516.544</b>    | <b>2.245.407.259</b>  |
| Tiền                                         | 111        |             | 111.516.544           | 2.245.407.259         |
| <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>           | <b>130</b> |             | <b>5.737.481.141</b>  | <b>8.159.750.337</b>  |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng             | 131        | 6           | 7.777.599.863         | 9.062.307.685         |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn             | 132        |             | 51.097.600            | 51.097.600            |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                 | 135        | 7           | 2.724.603.403         | 2.954.603.403         |
| Phải thu ngắn hạn khác                       | 136        | 8           | 2.203.510.130         | 859.521.922           |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137        | 6           | (7.019.329.855)       | (4.767.780.273)       |
| <b>Hàng tồn kho</b>                          | <b>140</b> |             | <b>2.602.799.923</b>  | <b>3.195.537.848</b>  |
| Hàng tồn kho                                 | 141        | 9           | 2.602.799.923         | 3.195.537.848         |
| <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>                 | <b>150</b> |             | <b>3.623.065.215</b>  | <b>6.394.888.076</b>  |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                   | 151        | 10          | 2.582.426.780         | 5.164.853.564         |
| Thuế GTGT được khấu trừ                      | 152        |             | 890.686.152           | 1.080.082.229         |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước     | 153        | 15          | 149.952.283           | 149.952.283           |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>18.540.639.230</b> | <b>18.282.632.262</b> |
| <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | -                     | -                     |
| <b>Tài sản cố định</b>                       | <b>220</b> |             | <b>1.943.545.973</b>  | <b>2.185.539.005</b>  |
| Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | 13          | 1.943.545.973         | 2.185.539.005         |
| - Nguyên giá                                 | 222        |             | 14.675.288.611        | 14.675.288.611        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223        |             | (12.731.742.638)      | (12.489.749.606)      |
| <b>Tài sản dở dang dài hạn</b>               | <b>240</b> |             | <b>16.097.093.257</b> | <b>16.097.093.257</b> |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | 11          | 16.097.093.257        | 16.097.093.257        |
| <b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>500.000.000</b>    | -                     |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác           | 253        | 12          | 500.000.000           | -                     |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                          | <b>270</b> |             | <b>30.615.502.053</b> | <b>38.278.215.782</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2017

| NGUỒN VỐN                                 | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2018            | 01/01/2018            |
|-------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                           |            |             | VND                   | VND                   |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>300</b> |             | <b>27.183.784.736</b> | <b>28.056.624.830</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                        | <b>310</b> |             | <b>20.260.757.127</b> | <b>18.693.597.221</b> |
| Phải trả người bán ngắn hạn               | 311        | 14          | 8.676.230.340         | 10.259.150.840        |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn         | 312        |             | 16.810.000            | 16.810.000            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 313        | 15          | 266.877.124           | 142.511.624           |
| Phải trả người lao động                   | 314        |             | -                     | 131.426.578           |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                 | 315        |             | 185.700.048           | 221.502.132           |
| Phải trả ngắn hạn khác                    | 319        | 16          | 8.674.689.615         | 6.121.746.047         |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn         | 320        | 17          | 2.440.000.000         | 1.800.000.000         |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                 | 322        |             | 450.000               | 450.000               |
| <b>Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>6.923.027.609</b>  | <b>9.363.027.609</b>  |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn          | 338        | 17          | 6.923.027.609         | 9.363.027.609         |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>400</b> |             | <b>3.431.717.317</b>  | <b>10.221.590.952</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                     | <b>410</b> | <b>18</b>   | <b>3.431.717.317</b>  | <b>10.221.590.952</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                    | 411        |             | 19.800.000.000        | 19.800.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết  | 411a       |             | 19.800.000.000        | 19.800.000.000        |
| Cổ phiếu quỹ                              | 415        |             | (1.366.318.570)       | (1.366.318.570)       |
| Quỹ đầu tư phát triển                     | 418        |             | 18.365.296.322        | 18.365.296.322        |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối         | 421        |             | (33.367.260.435)      | (26.577.386.800)      |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm | 421a       |             | (26.577.386.800)      | (30.241.643.220)      |
| - LNST chưa phân phối năm nay             | 421b       |             | (6.789.873.635)       | 3.664.256.420         |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>30.615.502.053</b> | <b>38.278.215.782</b> |

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Nguyễn Văn Thành

Nguyễn Văn Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018*

| Chỉ tiêu                                               | Mã số     | Thuyết minh | Năm 2018<br>VND        | Năm 2017<br>VND       |
|--------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>          | <b>01</b> | <b>19</b>   | <b>577.981.652</b>     | <b>20.486.377.764</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02        |             | -                      | -                     |
| <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>10</b> |             | <b>577.981.652</b>     | <b>20.486.377.764</b> |
| <b>Giá vốn hàng bán</b>                                | <b>11</b> | <b>20</b>   | <b>592.737.925</b>     | <b>15.075.550.560</b> |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>20</b> |             | <b>(14.756.273)</b>    | <b>5.410.827.204</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                          | 21        | 21          | 390.990                | 139.804.882           |
| Chi phí tài chính                                      | 22        | 22          | 1.090.077.939          | 1.158.684.167         |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                       | 23        |             | <i>1.090.077.939</i>   | <i>1.158.684.167</i>  |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                           | 26        | 23          | 5.500.099.971          | 1.618.487.837         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>         | <b>30</b> |             | <b>(6.604.543.193)</b> | <b>2.773.460.082</b>  |
| Thu nhập khác                                          | 31        | 24          | 148.117.440            | 1.147.080.080         |
| Chi phí khác                                           | 32        | 25          | 333.447.882            | 256.283.742           |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                                  | <b>40</b> |             | <b>(185.330.442)</b>   | <b>890.796.338</b>    |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>               | <b>50</b> |             | <b>(6.789.873.635)</b> | <b>3.664.256.420</b>  |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                            | 51        |             | -                      | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>        | <b>60</b> |             | <b>(6.789.873.635)</b> | <b>3.664.256.420</b>  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                        | <b>70</b> | <b>26</b>   | <b>(3.683)</b>         | <b>1.988</b>          |

*Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**

**Nguyễn Văn Thành**

**Nguyễn Văn Hưng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

| Chỉ tiêu                                                                                              | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm 2018<br>VND        | Năm 2017<br>VND        |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|------------------------|------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                        |           |                |                        |                        |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                                  | 01        |                | (6.789.873.635)        | 3.664.256.420          |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                                       |           |                |                        |                        |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                                | 02        |                | 241.993.032            | 234.391.473            |
| Các khoản dự phòng                                                                                    | 03        |                | 2.251.549.582          | 24.600.000             |
| (Lãi) hoạt động đầu tư                                                                                | 05        |                | (390.990)              | (139.804.882)          |
| Chi phí lãi vay                                                                                       | 06        |                | 1.090.077.939          | 1.158.684.167          |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                                  | <b>08</b> |                | <b>(3.206.644.072)</b> | <b>4.942.127.178</b>   |
| <b>Tăng, giảm các khoản phải thu</b>                                                                  | 09        |                | (139.884.309)          | (1.155.157.035)        |
| <b>Tăng, giảm hàng tồn kho</b>                                                                        | 10        |                | 592.737.925            | (230.853.688)          |
| <b>Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)</b> | 11        |                | 962.961.990            | 7.736.173.401          |
| <b>Tăng, giảm chi phí trả trước</b>                                                                   | 12        |                | 2.582.426.784          | 392.785.837            |
| <b>Tiền lãi vay đã trả</b>                                                                            | 14        |                | (1.125.880.023)        | (1.285.602.045)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                                  | <b>20</b> |                | <b>(334.281.705)</b>   | <b>10.399.473.648</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                            |           |                |                        |                        |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                        | 21        |                | -                      | (558.106.000)          |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                                  | 23        |                | -                      | (2.954.603.403)        |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                                       | 27        |                | 390.990                | 139.804.882            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                      | <b>30</b> |                | <b>390.990</b>         | <b>(3.372.904.521)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                         |           |                |                        |                        |
| Tiền thu từ đi vay                                                                                    | 33        |                | -                      | 311.667.000            |
| Tiền trả nợ gốc vay                                                                                   | 34        |                | (1.800.000.000)        | (5.436.248.775)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                                   | <b>40</b> |                | <b>(1.800.000.000)</b> | <b>(5.124.581.775)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                                | <b>50</b> |                | <b>(2.133.890.715)</b> | <b>1.901.987.352</b>   |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                               | <b>60</b> | <b>5</b>       | <b>2.245.407.259</b>   | <b>343.419.907</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                              | <b>70</b> | <b>5</b>       | <b>111.516.544</b>     | <b>2.245.407.259</b>   |

Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**

**Nguyễn Văn Thành**

**Nguyễn Văn Hưng**

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, công ty tiền thân được thành lập theo Quyết định 1461/QĐ-BXD ngày 01/11/2002 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Nhà máy Xi măng Sông Đà - Công ty Sông Đà 12 thuộc Tổng Công ty Sông Đà.

Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5400213153 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 29 tháng 11 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 01 tháng 11 năm 2016.

Tên tiếng Anh: Hoa Binh province Hung Long Trading Investment Joint Stock Company.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 11, phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

### **1.2 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng rừng và chăm sóc cây rừng;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ;
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất bê tông và sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất và chế biến bột đá;
- Sản xuất bê tông tươi;
- Phá dỡ;
- Hoạt động bốc xếp dỡ hàng hóa và dịch vụ liên quan đến bến cảng;
- Sản xuất gạch không nung;
- Sản xuất vữa đóng bao;
- Sản xuất cát nhân tạo;
- Các hoạt động kinh doanh khác...

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm Dương lịch.  
Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

### **4.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Đối với các hợp đồng các công trình xây dựng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo các chi phí trực tiếp thực tế phát sinh cho từng công trình cộng với các chi phí sản xuất chung phân bổ tương ứng với phần công việc dở dang chưa xác định doanh thu trong năm.

### **4.5 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm là các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí xây lắp, thiết bị, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



#### 4.6 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Công ty trích lập các khoản dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

#### 4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| <b>Nhóm tài sản cố định</b>     | <b>Thời gian sử dụng (năm)</b> |
|---------------------------------|--------------------------------|
| Nhà xưởng vật kiến trúc         | 10                             |
| Máy móc, thiết bị               | 10                             |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10                             |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 03-10                          |

#### 4.8 GHI NHẬN DOANH THU CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

##### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự chuyển giao hàng hóa và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu

khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

#### Doanh thu tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

#### Ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và niên độ kế toán hiện hành.

## **4.9 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; lỗ do bán ngoại tệ; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

## **4.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

## **4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc,

nhưng thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| 31/12/2018           | VND        | 01/01/2018    | VND        |
|----------------------|------------|---------------|------------|
| 111.516.544          | 67.758.404 | 2.207.211.707 | 38.195.552 |
| <b>2.245.407.259</b> |            |               |            |

Tiền mặt  
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

|                                                      | 31/12/2018           |                      | 01/01/2018           |                      |
|------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
|                                                      | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND      | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND      |
| <b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>              | <b>7.777.599.863</b> | <b>7.019.329.855</b> | <b>9.062.307.685</b> | <b>4.767.780.273</b> |
| - Công ty TNHH TM 01 thành viên Đại Hưng Cường       | 309.316.750          | 309.316.750          | 309.316.750          | 309.316.750          |
| - Công ty CP VLXD CN sạch Sông Đà                    | 382.226.087          | 382.226.087          | 382.226.087          | 382.226.087          |
| - Công ty CPDTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên            | 947.961.306          | 947.961.306          | 1.247.961.306        | -                    |
| - Công ty TNHH MTV Cơ khí chế tạo Việt Phát          | -                    | -                    | 336.648.729          | -                    |
| - Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên | 352.749.391          | 352.749.391          | 1.048.043.390        | -                    |
| - Chu Anh Tuyết                                      | 840.068.000          | 840.068.000          | 840.068.000          | 840.068.000          |
| - Công nợ của XN 12.6 chuyển sang                    | 1.168.536.074        | 1.168.536.074        | 1.168.536.074        | 1.168.536.074        |
| - Phải thu khách hàng khác                           | 3.776.742.255        | 3.018.472.247        | 3.729.507.349        | 2.067.633.362        |

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Theo Hợp đồng vay vốn số 2007/2017/HĐVV ngày 20/07/2017, Công ty cho Công ty Cổ phần Dầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Điện Biên vay 3,3 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, tự động gia hạn thêm 12 tháng trong năm 2018, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Đến thời điểm 31/12/2018 số dư nợ gốc vay là 2.724.603.403 đồng.

**8. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC**

|                                | 31/12/2018           |                 | 01/01/2018         |                 |
|--------------------------------|----------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                | Giá trị<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| <b>Ngân hạn</b>                | <b>2.203.510.130</b> | -               | <b>859.521.922</b> | -               |
| - Phải thu người lao động      | -                    | -               | 56.686.186         | -               |
| - Công ty CP ĐTPT KCN Hải Hà   | -                    | -               | 550.000.000        | -               |
| - Tam tng                      | -                    | -               | 29.564.525         | -               |
| - Phải thu Ông Nguyễn Văn Hưng | 1.900.000.000        | -               | -                  | -               |
| - Các khoản phải thu khác      | 303.510.130          | -               | 223.271.211        | -               |

9. HÀNG TỒN KHO

Nguyên liệu, vật liệu  
 Công cụ, dụng cụ  
 Hàng hóa

|  | 31/12/2018           |                 | 01/01/2018           |                 |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
|  | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND       | Dự phòng<br>VND |
|  | 2.424.616.340        | -               | 2.439.372.613        | -               |
|  | 178.183.583          | -               | 178.183.583          | -               |
|  | -                    | -               | 577.981.652          | -               |
|  | <b>2.602.799.923</b> | -               | <b>3.195.537.848</b> | -               |

## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                               | 31/12/2018           | 01/01/2018           |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                               | VND                  | VND                  |
| <b>Ngắn hạn</b>                               | <b>2.582.426.780</b> | <b>5.164.853.564</b> |
| Chi phí thiết bị sửa chữa, cải tạo, làm đường | 674.213.476          | 1.348.426.952        |
| Chi phí tháo dỡ, dọn vệ sinh tạo mặt bằng     | 1.908.213.304        | 3.816.426.612        |
| <b>Dài hạn</b>                                | <b>-</b>             | <b>-</b>             |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>2.582.426.780</b> | <b>5.164.853.564</b> |

## 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

|                                     | 31/12/2018            | 01/01/2018            |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                     | VND                   | VND                   |
| Dây chuyền sản xuất gạch không nung | 16.097.093.257        | 16.097.093.257        |
|                                     | <b>16.097.093.257</b> | <b>16.097.093.257</b> |

Dự án phát sinh từ năm 2016, do gặp vấn đề trong quá trình vận hành chạy thử nên hiện đang tạm dừng chờ phương án giải quyết.

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Là khoản đầu tư 3.125 cổ phần vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Kinh tế Hải Hà với mệnh giá 160.000 đồng/cổ phần.

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

|                        | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải,<br>truyền dẫn | TSCĐ HH<br>khác | Cộng           |
|------------------------|--------------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------------|----------------|
|                        | <u>VND</u>               | <u>VND</u>          | <u>VND</u>                            | <u>VND</u>      | <u>VND</u>     |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>      |                          |                     |                                       |                 |                |
| 01/01/2018             | 9.719.958.817            | 2.926.919.822       | 1.540.499.722                         | 487.910.250     | 14.675.288.611 |
| 31/12/2018             | 9.719.958.817            | 2.926.919.822       | 1.540.499.722                         | 487.910.250     | 14.675.288.611 |
| <b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>  |                          |                     |                                       |                 |                |
| 01/01/2018             | 9.438.701.095            | 1.461.757.773       | 1.540.499.722                         | 48.791.016      | 12.489.749.606 |
| - Khấu hao trong năm   | 30.406.236               | 162.795.780         | -                                     | 48.791.016      | 241.993.032    |
| 31/12/2018             | 9.469.107.331            | 1.624.553.553       | 1.540.499.722                         | 97.582.032      | 12.731.742.638 |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b> |                          |                     |                                       |                 |                |
| 01/01/2018             | 281.257.722              | 1.465.162.049       | -                                     | 439.119.234     | 2.185.539.005  |
| 31/12/2018             | 250.851.486              | 1.302.366.269       | -                                     | 390.328.218     | 1.943.545.973  |

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.255.358.133 đồng



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

|                                                                    | 31/12/2018           |                                 | 01/01/2018            |                                 |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
|                                                                    | Giá trị<br>VND       | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND | Giá trị<br>VND        | Số có khả năng<br>trả nợ<br>VND |
| <b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>                       | <b>8.676.230.340</b> | <b>8.676.230.340</b>            | <b>10.259.150.840</b> | <b>10.259.150.840</b>           |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Amec                                  | 767.589.681          | 767.589.681                     | 1.677.589.681         | 1.677.589.681                   |
| - Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long                                  | 1.986.385.569        | 1.986.385.569                   | 1.491.850.628         | 1.491.850.628                   |
| - Công ty TNHH CHB Việt Nam                                        | 654.082.400          | 654.082.400                     | 654.082.400           | 654.082.400                     |
| - Công ty Cổ phần Dầu tư và Công nghệ Đức Thành                    | 4.652.400.000        | 4.652.400.000                   | 4.652.400.000         | 4.652.400.000                   |
| - Công ty TNHH CHB Việt Nam Phát triển Thương mại và XNK Thành Đạt | 242.461.790          | 242.461.790                     | 872.401.790           | 872.401.790                     |
| - Các đối tượng khác                                               | 373.310.900          | 373.310.900                     | 910.826.341           | 910.826.341                     |

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                                          | <b>01/01/2018</b>  | <b>Số phải nộp</b> | <b>Số đã thực nộp</b> | <b>31/12/2018</b>  |
|------------------------------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
|                                          | <b>VND</b>         | <b>trong năm</b>   | <b>trong năm</b>      | <b>VND</b>         |
|                                          |                    | <b>VND</b>         | <b>VND</b>            | <b>VND</b>         |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b>        |                    |                    |                       |                    |
| - Thuế thu nhập cá nhân                  | 19.230.819         | -                  | -                     | 19.230.819         |
| - Thuế tài nguyên                        | 33.130.338         | -                  | -                     | 33.130.338         |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất            | -                  | 248.731.000        | 124.365.500           | 124.365.500        |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 90.150.467         | -                  | -                     | 90.150.467         |
|                                          | <b>142.511.624</b> | <b>248.731.000</b> | <b>124.365.500</b>    | <b>266.877.124</b> |
| <b>Thuế và các khoản phải thu</b>        |                    |                    |                       |                    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 149.952.283        | -                  | -                     | 149.952.283        |
|                                          | <b>149.952.283</b> | <b>-</b>           | <b>-</b>              | <b>149.952.283</b> |

---

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                | <b>31/12/2018</b>    | <b>01/01/2018</b>    |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                | <b>VND</b>           | <b>VND</b>           |
| <b>Ngắn hạn</b>                                | <b>8.674.689.615</b> | <b>6.121.746.047</b> |
| - Kinh phí công đoàn                           | 58.569.707           | 58.569.707           |
| - Bảo hiểm xã hội                              | 553.608.261          | 438.303.725          |
| - Bảo hiểm y tế                                | 1.878.543            | 626.850              |
| - Bảo hiểm thất nghiệp                         | 17.210               | 278.600              |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác            | 8.060.615.894        | 5.623.967.165        |
| + Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Đức Thành (*) | 8.000.000.000        | 5.600.000.000        |
| + Các khoản phải trả, phải nộp khác            | 60.615.894           | 23.967.165           |
|                                                | <b>8.674.689.615</b> | <b>6.121.746.047</b> |

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước tiền đền bù xây dựng và lắp đặt dây chuyền gạch không nung không đạt chất lượng theo yêu cầu của Công ty.

**17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

| Nội dung                                     | 31/12/2018           |                       | Trong năm            |                      | 01/01/2018            |                       |
|----------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                              | Giá trị              | Số có khả năng trả nợ | Tăng                 | Giảm                 | Giá trị               | Số có khả năng trả nợ |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                          | <b>2.440.000.000</b> | <b>2.440.000.000</b>  | <b>2.440.000.000</b> | <b>1.800.000.000</b> | <b>1.800.000.000</b>  | <b>1.800.000.000</b>  |
| - Vay và nợ dài hạn đến hạn trả              | 2.440.000.000        | 2.440.000.000         | 2.440.000.000        | 1.800.000.000        | 1.800.000.000         | 1.800.000.000         |
| Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên      | 2.440.000.000        | 2.440.000.000         | 2.440.000.000        | 1.800.000.000        | 1.800.000.000         | 1.800.000.000         |
| <b>Vay dài hạn</b>                           | <b>6.923.027.609</b> | <b>6.923.027.609</b>  | <b>-</b>             | <b>2.440.000.000</b> | <b>9.363.027.609</b>  | <b>9.363.027.609</b>  |
| - Ngân hàng TMCP Công thương CN Điện Biên(*) | 6.923.027.609        | 6.923.027.609         | -                    | 2.440.000.000        | 9.363.027.609         | 9.363.027.609         |
|                                              | <b>9.363.027.609</b> | <b>6.923.027.609</b>  | <b>2.440.000.000</b> | <b>4.240.000.000</b> | <b>11.163.027.609</b> | <b>11.163.027.609</b> |

(\*) Hợp đồng hạn mức số 55/2016-HĐTD/NHCT184-CTCPXMSD ngày 17/07/2016 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Điện Biên, hạn mức là 17.300.000.000 đồng với mục đích đầu tư dây chuyền gạch không nung, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 72 tháng tính từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

|                 | Vốn đầu tư<br>của chủ sở hữu | Cổ phiếu<br>quỹ | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Tổng cộng       |
|-----------------|------------------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------------------------|-----------------|
|                 | VND                          | VND             | VND                      | VND                                     | VND             |
| 01/01/2017      | 19.800.000.000               | (1.366.318.570) | 18.365.296.322           | (30.241.643.220)                        | 6.557.334.532   |
| - Lãi trong năm | -                            | -               | -                        | 3.664.256.420                           | 3.664.256.420   |
| 31/12/2017      | 19.800.000.000               | (1.366.318.570) | 18.365.296.322           | (26.577.386.800)                        | 10.221.590.952  |
| 01/01/2018      | 19.800.000.000               | (1.366.318.570) | 18.365.296.322           | (26.577.386.800)                        | 10.221.590.952  |
| - Lỗ trong năm  | -                            | -               | -                        | (6.789.873.635)                         | (6.789.873.635) |
| 31/12/2018      | 19.800.000.000               | (1.366.318.570) | 18.365.296.322           | (33.367.260.435)                        | 3.431.717.317   |

## 18.2 GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU

|                             | <u>Năm 2018</u><br><u>VND</u> | <u>Năm 2017</u><br><u>VND</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | -                             |                               |
| + Vốn góp đầu năm           | 19.800.000.000                | 19.800.000.000                |
| + Vốn góp tăng trong năm    | -                             | -                             |
| + Vốn góp giảm trong năm    | -                             | -                             |
| + Vốn góp cuối năm          | 19.800.000.000                | 19.800.000.000                |

## 18.3 CỔ PHIẾU

|                                          | <u>31/12/2018</u><br><u>CP</u> | <u>01/01/2018</u><br><u>CP</u> |
|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 1.980.000                      | 1.980.000                      |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 1.980.000                      | 1.980.000                      |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 1.980.000                      | 1.980.000                      |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -                              | -                              |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại         | (136.632)                      | (136.632)                      |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | (136.632)                      | (136.632)                      |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -                              | -                              |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 1.843.368                      | 1.843.368                      |
| + Cổ phiếu phổ thông                     | 1.843.368                      | 1.843.368                      |
| + Cổ phiếu ưu đãi                        | -                              | -                              |
| * Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)       | 10.000                         | 10.000                         |

## 19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                          | <u>Năm 2018</u><br><u>VND</u> | <u>Năm 2017</u><br><u>VND</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu                | 577.981.652                   | 20.486.377.764                |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 577.981.652                   | 20.486.377.764                |

## 20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                      | <u>Năm 2018</u><br><u>VND</u> | <u>Năm 2017</u><br><u>VND</u> |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn bán hàng hóa | 592.737.925                   | 15.075.550.560                |
|                      | <u>592.737.925</u>            | <u>15.075.550.560</u>         |

## 21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                              | <u>Năm 2018</u><br><u>VND</u> | <u>Năm 2017</u><br><u>VND</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 390.990                       | 139.804.882                   |
|                              | <u>390.990</u>                | <u>139.804.882</u>            |

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                   | Năm 2018<br>VND      | Năm 2017<br>VND      |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí lãi vay | 1.090.077.939        | 1.158.684.167        |
|                   | <b>1.090.077.939</b> | <b>1.158.684.167</b> |

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                               | Năm 2018<br>VND      | Năm 2017<br>VND      |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i> | <b>5.500.099.971</b> | <b>1.618.487.837</b> |
| - Chi phí nhân viên quản lý                   | 154.907.118          | 326.360.160          |
| - Chi phí đồ dùng văn phòng                   | -                    | 382.261.958          |
| - Chi phí khấu hao                            | 241.993.032          | 22.804.677           |
| - Thuế phí, lệ phí                            | 261.155.683          | 275.637.979          |
| - Chi phí dự phòng                            | 2.251.549.582        | 24.600.000           |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 25.481.527           | 249.479.129          |
| - Chi phí quản lý khác                        | 2.565.013.029        | 337.343.934          |

**24. THU NHẬP KHÁC**

|                                        | Năm 2018<br>VND    | Năm 2017<br>VND      |
|----------------------------------------|--------------------|----------------------|
| - Tiền thuê dây chuyền gạch không nung | 135.340.000        | -                    |
| - Tiền bồi thường, thưởng              | -                  | 34.199.654           |
| - Các khoản khác                       | 12.777.440         | 1.112.880.426        |
|                                        | <b>148.117.440</b> | <b>1.147.080.080</b> |

**25. CHI PHÍ KHÁC**

|                          | Năm 2018<br>VND    | Năm 2017<br>VND    |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lãi chậm nộp bảo hiểm  | 137.209.559        | -                  |
| - Các khoản bị phạt      | 4.551.778          | 65.624.021         |
| - Các khoản chi phí khác | 191.686.545        | 190.659.721        |
|                          | <b>333.447.882</b> | <b>256.283.742</b> |

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                                       | Năm 2018        | Năm 2017      |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (6.789.873.635) | 3.664.256.420 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)      | 1.843.368       | 1.843.368     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                              | <b>(3.683)</b>  | <b>1.988</b>  |

## 27. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Giám đốc Công ty xác định rằng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận.

## 28. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến thời điểm 31/12/2018, lỗ lũy kế của Công ty là 33.367.260.435 đồng, tại ngày này nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 8.185.894.304 đồng làm nghi ngờ đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai gần.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ sở hữu, tổ chức tín dụng và các bên liên quan sẽ tiếp tục hỗ trợ Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

## 29. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

### Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

|                                           | Năm 2018<br>VND | Năm 2017<br>VND |
|-------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | -               | 143.514.895     |

### Giao dịch với các bên liên quan

|                                                    | Mối quan hệ     | Năm 2018<br>VND           | Năm 2017<br>VND           |
|----------------------------------------------------|-----------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>Bán hàng cho các bên liên quan</b>              |                 | <b>952.478.183</b>        | <b>4.813.791.598</b>      |
| Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên           | Công ty mẹ      | 272.727.273               | 2.961.178.629             |
| Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên | Cùng Công ty mẹ | 679.750.910               | 1.852.612.969             |
| <b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>               |                 | <b>-</b>                  | <b>143.491.000</b>        |
| Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên | Cùng Công ty mẹ | -                         | 143.491.000               |
| <b>Lãi vay đã trả</b>                              |                 | <b>-</b>                  | <b>19.993.273</b>         |
| Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên           | Công ty mẹ      | -                         | 19.993.273                |
| <b>Phải thu khác</b>                               |                 | <b>1.900.000.000</b>      | <b>-</b>                  |
| Ông Nguyễn Văn Hưng                                | Chủ tịch HĐQT   | 1.900.000.000             | -                         |
| <b>Số dư với các bên liên quan</b>                 |                 | <b>31/12/2018<br/>VND</b> | <b>01/01/2018<br/>VND</b> |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                         |                 | <b>1.300.710.697</b>      | <b>2.296.004.696</b>      |
| Chi nhánh Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên | Cùng Công ty mẹ | 352.749.391               | 1.048.043.390             |
| Công ty CP ĐTTM Hưng Long tỉnh Điện Biên           | Công ty mẹ      | 947.961.306               | 1.247.961.306             |
| <b>Phải thu khác</b>                               |                 | <b>1.900.000.000</b>      | <b>-</b>                  |
| Ông Nguyễn Văn Hưng                                | Chủ tịch HĐQT   | 1.900.000.000             | -                         |



**30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hưng Long tỉnh Hòa Bình đã được kiểm toán.

*Hòa Bình, ngày 15 tháng 03 năm 2019*

**Người lập**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Nguyệt**

**Nguyễn Văn Thành**

**Nguyễn Văn Hưng**

Hòa Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2019  
**C.TY CP ĐTTM HƯNG LONG TỈNH HÒA BÌNH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Văn Hưng*